

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CUM'GAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**  
Bản án số:36/2017/HSST  
Ngày 15-8-2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Cảnh

**- Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2. Bà H'giang Niê.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15-8-2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HSST, ngày 20/6/2017, đối với bị cáo:

**1. Họ và tên: Vũ Trí M (Tên gọi khác: Vũ Chí M);**

Sinh năm 1991 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi phạm tội: thôn TB, xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông;

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Làm nông;

Trình độ học vấn: 9/12;

Tiền án, tiền sự: Không;

Con ông: Vũ Trí Q, sinh năm: 1968, nghề nghiệp: phụ hồ, hiện đang sinh sống tại thôn TB, xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Con bà: Chu Thị M, sinh năm: 1969, nghề nghiệp: làm nông, hiện đang sinh sống tại xã D, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Bị cáo chưa có vợ, con.

Ngày 01/10/2013 bị cáo có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn về quê mẹ ở xã D, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Đến tháng 05/2014, Vũ Trí M làm lại giấy chứng M nhân dân mang tên Vũ Chí M, sinh năm 1991 rồi làm hộ chiếu đi lao động ở MaLaysia. Ngày 07/10/2014 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư M'gar khởi tố và ra quyết định truy nã. Đến ngày 07/5/2017 Vũ Trí M trở về Việt Nam và đến Cơ quan Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đầu thú. Ngày 07/5/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bắt tạm giữ sau đó được di lý về Công an huyện CưM'gar. Ngày 10/5/2017 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện CưMgar áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, đến ngày 10/7/2017 VKSND huyện CưMgar ra quyết định cho gia đình bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại thôn TB, xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Người bị hại: Ông Trần Văn T. Sinh năm 1991 – *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện D, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Việt B – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Bị cáo Vũ Trí M bị viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar truy tố về hành vi phạm tội như sau:***

Khoảng tháng 8/2013, Vũ Trí M (tên gọi khác: Vũ Chí M) đến làm thuê ở thôn X, xã E, huyện D, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình làm việc, M quen biết với anh Trần Văn T. Khoảng 8 giờ ngày 01/10/2013, M sang nhà anh T hỏi mượn xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh trắng, biển kiểm soát 47XX-XXXXX (xe do Trần Văn T đứng tên chủ sở hữu) để đi đám cưới ở thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk. Do chỗ quen biết nên anh T đã đưa xe mô tô biển kiểm soát 47XX-XXXXX cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho M mượn. Sau khi lên thành phố BMT dự đám cưới, M nảy sinh ý định bán chiếc xe mô tô trên để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã điều khiển xe về tỉnh Đắk Nông và bán cho tiệm mua bán xe máy Phúc thuộc thôn 3, xã L, huyện C, tỉnh Đắk Nông do anh Trịnh Việt B làm chủ lấy số tiền 3.000.000 đồng.

Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn về quê mẹ ở xã D, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Đến tháng 05/2014, Vũ Trí M làm lại giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Chí M, sinh năm 1991 rồi làm hộ chiếu đi lao động ở MaLaysia. Ngày 07/10/2014 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D khởi tố và ra quyết định truy nã. Đến ngày 07/5/2017 Vũ Trí M trở về Việt Nam và đến Cơ quan Công an quận H, thành phố Hà Nội đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 62 ngày 28/7/2014 của Hội đồng định giá tài sản huyện D xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu xanh

trắng, biển kiểm soát 47XX-XXXXX, số máy Y, số khung Z có giá là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm ngàn đồng chẵn*).

Tại bản cáo trạng số 39/KSĐT – HS, ngày 19/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Vũ Trí M về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b, khoản 1 Điều 140 BLHS

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Trí M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị hội đồng xét xử;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Vũ Trí M mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Trí M tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người biết sự việc và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Vào Khoảng 8 giờ ngày 01/10/2013, bị cáo Vũ Trí M sau khi mượn được xe mô tô nhãn hiệu YaMaHa NouVo, màu xanh trắng, biển kiểm soát 47XX-XXXXX (*xe do Trần Văn T đứng tên chủ sở hữu*) để đi đám cưới ở thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk, M đã nảy sinh ý định và sau đó bán chiếc xe trên lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị phát hiện xử lý. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 4.500.000đồng. Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo Vũ Trí M đã phạm vào tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

#### **\* Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:**

“1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành

*chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:*

*a)...*

*b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."*

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh truy tố, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Bị cáo phải biết được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài, thích được hưởng thụ nhưng bản chất lười biếng lao động, nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo M chiếm đoạt có giá trị là 4.500.000 đồng. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn trong quá trình điều tra vụ án, cho nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

Tuy nhiên xét về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã cùng với gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000đ khắc phục hậu quả, tài sản chiếm đoạt cũng đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp và được người bị hại làm đơn bãi nại, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của tại điểm b,g,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Với các tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định trên, ngoài ra bị cáo cũng có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Trong vụ án này, đối với Trịnh Viết B là người đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47XX–XXX.XX của bị cáo M. Tuy nhiên quá trình mua bán anh B không biết xe mô tô trên là do Vũ Trí M phạm tội mà có. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

***Về vật chứng của vụ án:***

Ngày 27/3/2014, anh Trịnh Viết B đã giao nộp xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47XX–XXXX cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, đến ngày 09/10/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại cho anh Trần Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

***Về trách nhiệm dân sự:*** Sau khi phạm tội Vũ Trí M và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho anh Trần Văn T số tiền 2.000.000 đồng, anh T không có yêu cầu bồi thường về phần dân sự và có đơn xin bãi nại về hình sự, dân sự cho Vũ Trí M.

Ngoài ra người liên quan Trịnh Viết B không yêu cầu Vũ Trí M phải bồi thường số tiền M đã bán xe là 3.000.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện giữa các bên cần ghi nhận.

***\* Về án phí hình sự sơ thẩm:*** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

***\* Tuyên bố:***

Bị cáo **Vũ Trí M** (tên gọi khác Vũ Chí M) phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Vũ Trí M **09 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (mười tám)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Giao bị cáo cho UBND xã ND, huyện C, tỉnh Đắk Nông quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được áp dụng theo khoản 1, Điều 69 luật thi hành án hình sự.*

***Biện pháp tư pháp:*** Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật hình sự 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47XX-XXXXX cho anh Trần Văn T là chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 2.000.000 giữa gia đình bị cáo Vũ Trí M và anh Trần Văn T.

**\* Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Vũ Trí M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản án hợp lệ.

**\* Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND xã ND, huyện C;
- Các bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS.
- THA phạt tù;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Cảnh**